

Số: 01/QĐ-LTV

Trà Cầu, ngày 02 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026  
của Trường THPT Lương Thế Vinh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ- SGDDT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT Lương Thế Vinh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Lương Thế Vinh (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin của nhà trường, Website trường, Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Tổ Văn phòng, Kế toán trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC;
- Như điều 4;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
THPT  
LƯƠNG THẾ VINH  
Nguyễn Quốc Việt



Đơn vị: **TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH**  
Chương: 422



## **DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LTV ngày 02/01/2026 của Trường THPT Lương Thế Vinh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao     |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                     |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                       |
| <b>1</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>984</b>            |
| 1.1        | Lệ phí                                             | 0                     |
| 1.2        | Phí                                                | 984                   |
|            | Học phí                                            | 984                   |
|            | Dạy thêm học thêm                                  | 0                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>984</b>            |
| <b>2.1</b> | <b>Chi sự nghiệp Giáo dục</b>                      | <b>984</b>            |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 984                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 0                     |
| <b>2.2</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>0</b>              |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 0                     |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             | 0                     |
| <b>3</b>   | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                       |
| 3.1        | Lệ phí                                             | 0                     |
| 3.2        | Phí                                                | 0                     |
|            | Học phí                                            | 0                     |
|            | Dạy thêm học thêm                                  | 0                     |
| <b>II</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>15.329.000.000</b> |





| Số TT | Nội dung                                  | Dự toán được giao |
|-------|-------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                         | 3                 |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề | 15.329.000.000    |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên            | 14.413.000.000    |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên      | 916.000.000       |